

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **84/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 27-9-2022

V/v “*tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Hiếu

Ông Phạm Sơn Điền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đặng Văn Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 292/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 800/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 825/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Kim Nh**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ 02, ấp N, xã V, huyện N, tỉnh Đ.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Duy Th**, sinh năm 1982

Địa chỉ thường trú: khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh B.

Địa chỉ liên lạc: Nhà công vụ Điện lực dầu khí N2, xã T, huyện N, tỉnh Đ.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim Nh trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Duy Th chung sống vào năm 2013, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Đ

theo giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyền số 01/2013 ngày 01/4/2013.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Th không phụ giúp chị về kinh tế, vợ chồng không có tiếng nói chung. Chị và anh Th sống ly thân từ tháng 5/2021 đến nay không hòa giải đoàn tụ lần nào. Nay chị cương quyết xin ly hôn với anh Th vì vợ chồng không còn tình cảm.

- Về con chung: có 01 cháu tên là Nguyễn Duy H - sinh ngày 24/12/2013. Ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi con, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Do bận công việc nên chị Nh yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt chị.

** Đối với bị đơn anh Nguyễn Duy Th, trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có lời khai.*

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ, hòa giải, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 9, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, 58, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nh được ly hôn anh Th, giao con chung cho chị Nh nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Kim Nh khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Duy Th, hiện nay anh Th đang cư trú tại Nhà công vụ Điện lực dầu khí N 2, xã T, huyện N. Căn cứ khoản 5, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đ.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim Nh yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Duy Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Nh, anh Th.

[2]. Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim Nh và anh Nguyễn Duy Th chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Đ (được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyền số 01/2013 ngày

01/4/2013) nên căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, hôn nhân trên được xem là hợp pháp. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo chị Nh khai là do anh Th không phụ giúp chị về kinh tế, vợ chồng không có tiếng nói chung. Từ tháng 5/2021 chị Nh và anh Th sống ly thân nhau, trong thời gian ly thân không bàn bạc đoàn tụ lần nào. Nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài nên chị Nh yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Th.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Th nhiều lần để hoà giải nhưng anh Th vắng mặt không có lý do, từ đó thể hiện anh Th không có mong muốn hòa giải đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Nh và anh Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần giải quyết cho chị Nh ly hôn anh Th là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Chị Nh khai có 01 con chung là cháu Nguyễn Duy H - sinh ngày 24/12/2013. Ly hôn, chị Nh xin nuôi con chung, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, từ khi chị Nh và anh Th sống ly thân nhau cho đến nay thì cháu H sống cùng mẹ. Tại bản khai có trong hồ sơ vụ án, cháu H cũng có nguyện vọng được sống cùng chị Nh. Ngoài ra trong quá trình giải quyết ly hôn, anh Th cũng không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần giao cháu H cho chị Nh nuôi dưỡng, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp pháp luật.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nh khai không có nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, chị Nguyễn Thị Kim Nh phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[6]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về thủ tục tố tụng và đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 264, 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim Nh về việc “Tranh chấp ly hôn” đối với bị đơn anh Nguyễn Duy Th.

Xử: Cho chị Nguyễn Thị Kim Nh được ly hôn anh Nguyễn Duy Th.

2. Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Duy H - sinh ngày 24/12/2013 cho chị Nh nuôi dưỡng. Tạm thời anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim Nh phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007809 ngày 11/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đ. Chị Nh đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Mai